

Bản án số: **329/2020/DS-ST**

Ngày: 01-9-2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ M**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Vạn**

2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trí Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 748/2019/TLST-DS ngày 16/12/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2020/QĐXXST-DS ngày 13/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2020/QĐST-DS ngày 05/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng A**

Địa chỉ: A, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí M.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Lã Ngọc M**, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: D, phường E, quận F, thành phố Hồ Chí M.

Bị đơn: Bà **Trần Thị Mỹ Tr**, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: X, khu dân cư Y, ấp Z, xã G, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí M.

(ông M có đơn xin vắng mặt tại Tòa, bà T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản không hòa giải được - nguyên đơn Ngân hàng Acó người đại diện hợp pháp là ông Lã Ngọc M trình bày:

Ngày 13/7/2012, bà Trần Thị Mỹ Tr có ký với Ngân hàng A hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng và bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 3.221.212.253 đồng (ba tỷ hai trăm hai mươi một triệu hai trăm mười hai nghìn hai trăm năm mươi ba đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, bà T có thanh toán cho Ngân hàng số tiền 3.848.599.333 đồng (ba tỷ tám trăm bốn mươi tám triệu năm trăm chín mươi chín nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), sau đó bà T không thanh toán nữa, đã nhiều lần Ngân hàng yêu cầu bà T thanh toán số tiền nhưng bà T né tránh không hợp tác.

Nay ông Lã Ngọc M đại diện cho Ngân hàng yêu cầu bà Trần Thị Mỹ Tr trả các khoản nợ sau:

Nợ gốc đến ngày 01/9/2020 là 247.256.818 đồng (hai trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm mười tám đồng)

Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 01/9/2020 là 237.483.019 đồng (hai trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn không trăm mười chín đồng).

Tổng cộng là 484.739.837 đồng (bốn trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng), trả một lần ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và chịu tiền lãi theo lãi suất ngân hàng cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Bị đơn bà Trần Thị Mỹ Tr vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí M phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Acó đối với bị đơn bà Trần Thị Mỹ Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng Akhởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà Trần Thị Mỹ Tr, bà T có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí M.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Trần Thị Mỹ Tr đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Mỹ Tr theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông Lã Ngọc M đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[4] Xét thấy các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp mà bị đơn không có phản đối do đó căn cứ theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì nguyên đơn không cần phải chứng M cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải chứng M sự phản đối đó là có căn cứ và phải đưa ra chứng cứ để chứng M. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng M mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đầy đủ chứng cứ thì phải chịu hậu quả của việc không chứng M được hoặc chứng M không đầy đủ đó. Bà Trần Thị Mỹ Tr vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên bà Trần Thị Mỹ Tr từ bỏ nghĩa vụ chứng M của mình.

[5] Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên căn cứ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xét xử vụ án là phù hợp pháp luật. Theo lời trình bày của ông Lã Ngọc M (đại diện nguyên đơn) thì vào ngày 13/7/2012, bà Trần Thị Mỹ Tr có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng, căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ, Ngân hàng A đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức thẻ là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ thì bà T thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 3.221.212.253 đồng (ba tỷ hai trăm hai mươi một triệu hai trăm mười hai nghìn hai trăm năm mươi ba đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, bà T có thanh toán cho Ngân hàng số tiền 3.848.599.333 đồng (ba tỷ tám trăm bốn mươi tám triệu năm trăm chín mươi chín nghìn ba trăm ba mươi ba

đồng). Đã nhiều lần Ngân hàng yêu cầu bà T thanh toán tiền nhưng bà T hứa hẹn rồi không trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Trần Thị Mỹ Tr vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ chứng M cho yêu cầu khởi kiện đã được Tòa án thông báo cho bà Trần Thị Mỹ Tr biết nhưng đến tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị Mỹ Tr không có văn bản gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Căn cứ vào đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng của bà Trần Thị Mỹ Tr ký ngày 13/7/2012 với nội dung yêu cầu Ngân hàng A phát hành thẻ với hạn mức tín dụng là 1.000.000.000 đồng. Từ đơn yêu cầu phát hành thẻ, Ngân hàng A đã cấp thẻ tín dụng cho bà Trần Thị Mỹ Tr với hạn mức tín dụng là 1.000.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, nhiều lần Ngân hàng yêu cầu bà T thanh toán nợ nhưng bà T không thực hiện, do đó ngày 26/7/2018, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

[7] Căn cứ vào các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ ký giữa bà Trần Thị Mỹ Tr với Ngân hàng A và căn cứ vào các quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đối chiếu quy định như trên thì yêu cầu của Ngân hàng A buộc bà Trần Thị Mỹ Tr thanh toán nợ gốc đến ngày 01/9/2020 là 247.256.818 đồng (hai trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm mười tám đồng); nợ lãi quá hạn tính đến ngày 01/9/2020 là 237.483.019 đồng (hai trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn không trăm mười chín đồng), tổng cộng là 484.739.837 đồng (bốn trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng) là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[8] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Trần Thị Mỹ Tr có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A đến ngày 01/9/2020 nợ gốc là 247.256.818 đồng (hai trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm mười tám đồng); nợ lãi quá hạn tính đến ngày 01/9/2020 là 237.483.019 đồng (hai trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn không trăm mười chín đồng). Tổng cộng là 484.739.837 đồng (bốn trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng), trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[9] Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 có quy định “Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc

buộc bà Trần Thị Mỹ Tr tiếp tục chịu lãi phát sinh sau khi xét xử là có cơ sở chấp nhận.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Trần Thị Mỹ Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.389.593 đồng (hai mươi ba triệu ba trăm tám mươi chín nghìn năm trăm chín mươi ba đồng); nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 4 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Ado với bị đơn bà Trần Thị Mỹ Tr về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bị đơn bà Trần Thị Mỹ Tr có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Asố tiền gốc là 247.256.818 đồng (hai trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm mười tám đồng); nợ lãi quá hạn tính đến ngày 01/9/2020 là 237.483.019 đồng (hai trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn không trăm mười chín đồng). Tổng cộng là 484.739.837 đồng (bốn trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Trần Thị Mỹ Tr còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Trần Thị Mỹ Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.389.593 đồng (hai mươi ba triệu ba trăm tám mươi chín nghìn năm trăm chín mươi ba đồng).

- Nguyên đơn Ngân hàng Ađược nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 8.510.505 đồng (tám triệu năm trăm mười nghìn năm trăm lẻ năm đồng) theo biên lai thu số 0023997 ngày 07/1/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 1, thành phố Hồ Chí M.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Kim Định

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
TP. HỒ CHÍ M**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 01/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Nguyễn Thị Vạn**

2/ Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**

Đã nghị án vụ án dân sự thụ lý số 748/2019/TLST-DS ngày 16/12/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng A**

Địa chỉ: Lầu 8 số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí M.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Lã Ngọc M**, sinh năm: 1970

Địa chỉ: Lầu 8 số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí M.

Bị đơn: Bà **Trần Thị Mỹ Tr**, sinh năm: 1970

Địa chỉ: Nhà không số tổ 19, khu dân cư 13A, ấp 4, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí M.

(ông M có đơn xin vắng mặt tại Tòa, bà T vắng mặt tại phiên tòa)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 4 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A đối với bị đơn bà Trần Thị Mỹ Tr về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bị đơn bà Trần Thị Mỹ Tr có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng A số tiền gốc là 247.256.818 đồng (hai trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm mười tám đồng); nợ lãi quá hạn tính đến ngày 01/9/2020 là 237.483.019 đồng (hai trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn không trăm mười chín đồng). Tổng cộng là 484.739.837 đồng (bốn trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Trần Thị Mỹ Tr còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Trần Thị Mỹ Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.389.593 đồng (hai mươi ba triệu ba trăm tám mươi chín nghìn năm trăm chín mươi ba đồng).

- Nguyên đơn Ngân hàng Ađược nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 8.510.505 đồng (tám triệu năm trăm mười nghìn năm trăm lẻ năm đồng) theo biên lai thu số 0023997 ngày 07/1/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 1, thành phố Hồ Chí M.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Biểu quyết 3/3 trên từng vấn đề

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 01 tháng 9 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Định